

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **271/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/6/2020

*V/v tranh chấp “không công nhận vợ chồng”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng;**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Trung Trực;**  
2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 667/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Thanh B**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Lưu Thanh B cưới nhau vào năm 2017 do tự nguyện tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn và có tổ chức tiệc ra mắt. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B không làm ăn lo cho gia đình, chỉ lo nhậu nhẹt và thường xuyên đánh đập chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị A và anh B sống ly thân vào cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lưu Thanh B, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

\* **Tại phiên tòa**, Chị A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị và anh B được ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Thị A về việc tranh chấp “không công nhận quan hệ vợ chồng” với anh Lưu Thanh B có hộ khẩu thường trú tại ấp F, xã G, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống cưới nhau vào năm 2017 do tự nguyện tìm hiểu, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức buổi tiệc ra mắt gia đình. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn cho gia đình, chỉ lo nhậu nhẹt đánh đập chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị A và anh B sống ly thân tháng cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B. Xét thấy, chị A và anh B từ lúc ly thân đến nay không ai có biện pháp nào khắc phục để cả hai hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được mặc khác anh B không có mặt tại phiên tòa cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn. Tuy nhiên chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận xin ly hôn. Theo qui định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Anh chị trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 69, Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị A và anh Lưu Thanh B là vợ chồng.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003263 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên chị A đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Lưu Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**